

Phụ lục III
BẢNG KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÙNG NUÔI THỦY SẢN
- XÃ TÂN NHỰT, XÃ BÌNH LỢI, XÃ HƯNG LONG, XÃ BÌNH HƯNG

(Ngày lấy mẫu 28/7/2026)

(Đính kèm Thông báo số /TB-CCTSKN ngày tháng 8 năm 2026 của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư Thành phố Hồ Chí Minh)

KẾT QUẢ	CHỈ TIÊU HÓA LÝ											
	Độ kiềm (mgCaCO ₃ /l)	NO ₂ - (mg/l)	NH ₄ -N (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	H ₂ S (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Độ mặn (‰)	DO (mg/l)	pH	Vibrio tổng số (CFU/ml)	Aeromonas tổng số (CFU/ml)
TCVN 13952:2024	30-200	≤ 0,5	≤ 1,0	≤ 0,2	≤ 0,1	≤ 100	≤ 20	≤ 0,5	≥ 4	6,5 - 9		≤ 1,000
Rạch Bà Ty	104,6	0,021	4,966	0,058	KPH	36,5	14,0	0,6	4,3	7,31		200
Cầu Ấp Quán	65,0	0,079	2,010	0,045	0,018	45,0	10,4	0,5	5,3	7,17		50
Kênh Thầy Thuốc	105,6	0,018	4,855	0,057	0,102	54,7	13,7	0,6	4,6	7,24		440
Kênh Độc Lập	95,4	0,02	5,025	0,083	0,016	53,3	12,5	0,5	5,4	7,15		440
TCVN 13656:2023	80 - 120 (sú) 100-200 (thẻ chân trắng)	≤1,0	≤ 3	≤ 0,15	≤ 0,05	≤ 100	≤ 20	7 - 25	5 - 9	7,5 – 8,5	< 1,000	
Cầu Bún Xeo	71,1	1,327	1,689	KPH	KPH	20,5	12,5	1,4	6,3	7,42	270	
Cầu Ông Thìn	53,8	1,041	0,128	0,025	KPH	199,0	15,8	2,2	5,7	7,24	20	
Cổng Lớn	69,0	1,172	5,509	0,028	0,023	20,5	10,6	1,1	6,9	7,28	90	
Cầu ông Niệm	65,0	1,039	2,208	0,036	0,017	28,0	11,2	0,9	6,9	7,28	30	

Ghi chú:

- Tham chiếu TCVN 13952:2024 Nước nuôi trồng thủy sản - Nước ngọt - Yêu cầu chất lượng
- Tham chiếu TCVN 13656:2023 Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng.
- KPH: Không phát hiện

CHI CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH